

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 716/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2564/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 220/150/28 L, Phường Q, Quận W, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phan Quang V, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Papatoetoe, Auckland, New Zealand.

Các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Quang V quen biết và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 289/2001 ngày

20/12/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ông V qua New Zealand sinh sống và làm việc. Thời gian đầu, ông V vẫn thường liên lạc với gia đình nhưng sau đó thì dần ít liên lạc. Do xa cách địa lý nên hai bên không có điều kiện, quan tâm, chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn chung không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Quang V.

Về con chung: Có 03 con chung là Phan Hoàng A, sinh ngày 23/02/2003; Phan Hoàng Khánh L, sinh ngày 05/3/2005; Phan Quang M, sinh ngày 01/12/2007. Hiện các trẻ đang sống với ông V. Bà và ông V cùng thống nhất giao các trẻ cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên. Bà không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 07/4/2019 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/4/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand), bị đơn là ông Phan Quang V xác nhận lời trình bày của bà H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay bà H xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà H. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là các trẻ Phan Hoàng A, Phan Hoàng Khánh L và Phan Quang M cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn và yêu cầu giao con chung cho bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hoàng Thị Thu H, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện đang cư trú tại New Zealand nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị Thu H yêu cầu ly hôn ông Phan Quang V, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà H và ông V thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ năm 2014 đến nay, bà H và ông V đã không còn chung sống, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai bên bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc cho nhau trong một thời gian dài. Hiện nay bà H và ông V đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông V là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Hoàng Thị Thu H và ông Phan Quang V thống nhất giao các trẻ Phan Hoàng A, sinh ngày 23/02/2003; Phan Hoàng Khánh L, sinh ngày 05/3/2005; Phan Quang M, sinh ngày 01/12/2007 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên. Bà H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của các trẻ A, L, M nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hoàng Thị Thu H và ông Phan Quang V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Hiền được ly hôn với ông Vinh và đề nghị giao các trẻ Phan Hoàng A, Phan Hoàng Khánh L, Phan Quang M cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Hoàng Thị Thu H chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thu H được ly hôn với ông Phan Quang V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 289/2001 ngày 20/12/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hoàng Thị Thu H và ông Phan Quang V không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao 03 người con chung tên Phan Hoàng A, sinh ngày 23/02/2003; Phan Hoàng Khánh L, sinh ngày 05/3/2005; Phan Quang M, sinh ngày 01/12/2007 cho ông Phan Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông V về việc tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hoàng Thị Thu H và ông Phan Quang V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Hoàng Thị Thu H chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0049089 ngày 12/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Hoàng Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Phan Quang V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường 13, quận Tân Bình, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao